

**BÁO CÁO CẬP NHẬT VĨ MÔ
THÁNG 4/2026**

THÁCH THỨC ĐẠN XEN CƠ HỘI

Bùi Duy Khoa

khoa.bd@vdsc.com.vn

Đoàn Hoàng Gia Bảo

bao.dhg@vdsc.com.vn

www.vdsc.com.vn ↗



Tổng quan vĩ mô 4T2026: Tăng trưởng duy trì tích cực nhưng áp lực lạm phát và bất định bên ngoài gia tăng

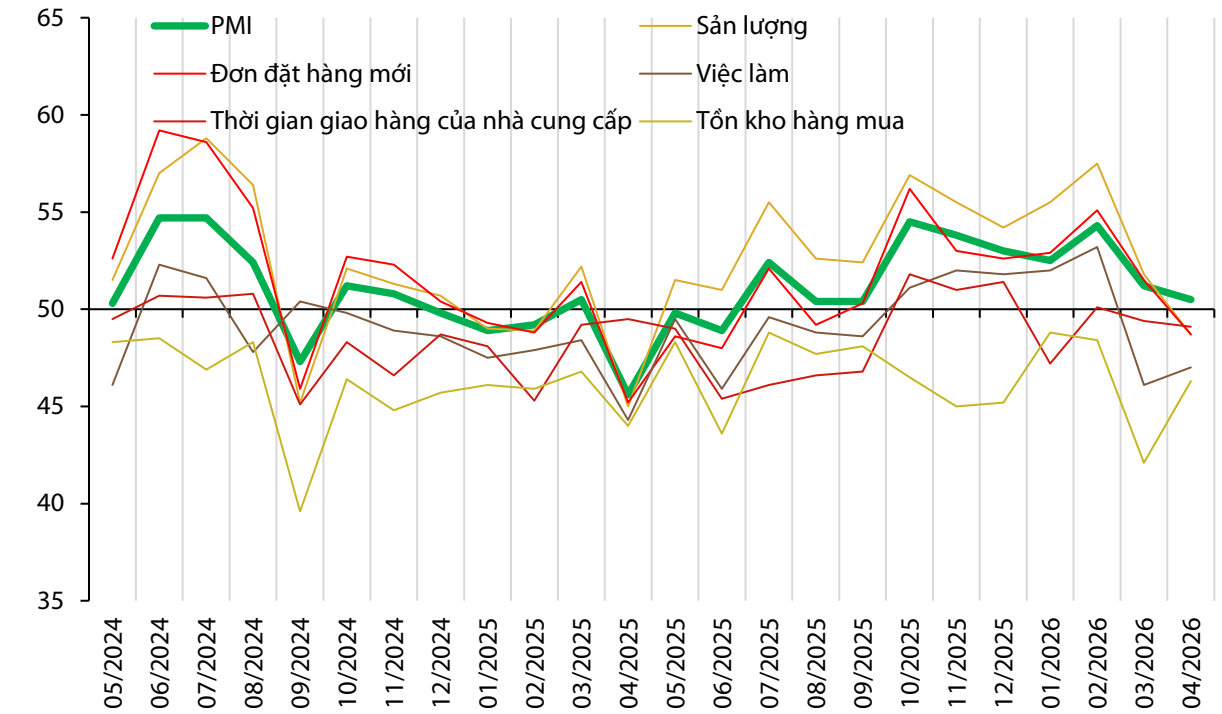
- Hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục cải thiện. IIP tháng 4 tăng 9,9% YoY, cao hơn mức 7,2% của tháng 3; lũy kế 4T2026 tăng 9,2%, vượt cùng kỳ 2025 và tương đương tốc độ tăng cả năm trước. Tuy nhiên, tín hiệu từ khu vực sản xuất bắt đầu thận trọng hơn khi PMI giảm về 50,5 điểm, mức thấp nhất 7 tháng. Đơn hàng mới lần đầu giảm sau 8 tháng, đơn hàng xuất khẩu giảm tháng thứ 2 liên tiếp, trong khi chi phí đầu vào tăng mạnh nhất trong 15 năm. Điểm tích cực là sản lượng vẫn duy trì tăng trưởng, giúp PMI còn giữ trên ngưỡng mở rộng.
- Tiêu dùng và đầu tư nước ngoài vẫn là điểm sáng. Doanh thu bán lẻ duy trì tốc độ tăng cao, khách quốc tế phục hồi trong tháng 4, còn FDI tiếp tục tích cực với vốn thực hiện tăng tốc và vốn đăng ký mới tăng mạnh. Tuy nhiên, tăng trưởng thực của bán lẻ giảm tốc còn 6,3% trong 4T so với 7,0% trong 3T, cho thấy một phần tăng trưởng danh nghĩa đến từ yếu tố giá. Xuất khẩu tăng chủ yếu nhờ nhóm điện tử và máy móc thiết bị, trong khi hàng tiêu dùng suy yếu; đáng chú ý, xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp nội tiếp tục giảm tháng thứ 12 liên tiếp. Việt Nam duy trì nhập siêu tháng thứ 5, với mức nhập siêu lũy kế 7,11 tỷ USD.
- Áp lực lạm phát tăng nhanh và bắt đầu lan tỏa. CPI tháng 4 tăng 5,46% YoY, cao hơn đáng kể so với 4,65% của tháng 3, chịu tác động từ giá nhiên liệu và chi phí vận tải. Các nhóm tăng mạnh gồm giao thông (+11,1%), nhà ở, điện nước, chất đốt & VLXD (+8,0%), và hàng ăn & dịch vụ ăn uống (+5,2%). Lạm phát cơ bản cũng tăng lên 4,66%, từ mức 3,96% trong tháng trước, cho thấy áp lực giá không còn chỉ tập trung ở nhóm năng lượng.
- Thu ngân sách vẫn tích cực nhưng tốc độ có dấu hiệu chững lại. Tháng 4, thu NSNN đạt khoảng 257,2 nghìn tỷ đồng, tương đương 10,2% dự toán. Lũy kế 4 tháng đạt 1.114 nghìn tỷ đồng, bằng 44% dự toán và tăng 15,2% YoY. Tuy vậy, tiến độ thấp hơn cùng kỳ 2025, khi thu ngân sách đạt 49,2% dự toán và tăng 29,4% YoY. Nguyên nhân đến từ tác động của xung đột Trung Đông lên hoạt động sản xuất – kinh doanh, cùng các chính sách miễn giảm thuế nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Tổng số tiền miễn, giảm trong 4 tháng ước khoảng 57,9 nghìn tỷ đồng.
- Giải ngân đầu tư công vẫn là điểm cần theo dõi sát sao. Đến ngày 30/4/2026, giải ngân đạt 144.282,9 tỷ đồng, tương đương 14,2% kế hoạch Thủ tướng giao. Tiến độ còn chịu ảnh hưởng bởi thiếu hụt vật liệu như đất đắp, cát, đá; giá xăng dầu và chi phí vận chuyển tăng; vướng mắc giải phóng mặt bằng; thủ tục đầu tư; và các vấn đề thể chế liên quan đến Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường.
- Ở góc độ phát triển vùng, việc các địa phương tăng trưởng nhanh như Đồng Nai, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Khánh Hòa được định hướng nâng cấp lên thành phố trực thuộc Trung ương có thể mở thêm dư địa tăng trưởng, tạo cơ chế phát triển linh hoạt hơn và đóng góp vào tăng trưởng chung của cả nước.
- Bên ngoài, chiến sự Trung Đông tiếp tục là biến số lớn đối với triển vọng vĩ mô toàn cầu. Căng thẳng năng lượng và chi phí vận tải làm tăng áp lực chi phí sản xuất trong nước. Diễn biến UAE rời OPEC cũng làm bức tranh địa chính trị - năng lượng phức tạp hơn, phản ánh sự dịch chuyển chiến lược nhằm gia tăng độc lập chính sách của UAE, xích lại gần hơn với Mỹ và làm phức tạp quan hệ với Ả Rập Xê-út.
- Nhìn chung, 4 tháng đầu năm 2026 cho thấy kinh tế Việt Nam vẫn duy trì nhiều điểm sáng ở sản xuất, bán lẻ, FDI và hạ tầng phát triển vùng. Tuy nhiên, áp lực lạm phát, nhập siêu, chi phí sản xuất tăng, tiến độ đầu tư công còn chậm và bất định địa chính trị toàn cầu đang tạo ra thách thức đáng kể. Việc hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai chữ số đòi hỏi thực thi chính sách quyết liệt hơn, đặc biệt ở giải ngân đầu tư công và cải cách thể chế, nhằm nâng cao sức chống chịu của nền kinh tế trước môi trường quốc tế biến động nhanh và khó lường.

Tăng trưởng chỉ số sản xuất một số ngành công nghiệp chính

% so với cùng kỳ	11/25	12/25	01/26	02/26	03/26	04/26
Chế biến thực phẩm	12,9	15,7	19,8	4,6	12,5	10,6
Đồ uống	4,8	8,1	26,3	8,2	12,6	15,6
Dệt may	5,5	7,3	17,5	1,9	6,4	12,8
Da giày	6,8	9,8	15,4	-4,8	4,0	2,3
Chế biến gỗ	3,3	2,2	21,4	1,3	-1,6	7,1
Hoá chất	29,3	21,7	32,6	3,3	21,8	24,8
Thuốc, dược liệu	41,5	31,5	21,8	-18,0	-9,3	7,1
Cao su, plastic	8,3	10,6	21,9	-3,9	5,6	12,1
Sản xuất kim loại	27,5	16,2	24,0	30,3	8,7	14,8
Hàng điện tử	9,5	13,6	-0,8	4,3	14,2	11,9
Sản xuất xe có động cơ	4,3	25,5	34,2	-3,8	12,5	23,6
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	7,9	5,8	17,9	4,1	7,3	11,5
Sản xuất và phân phối điện	3,6	11,2	16,7	-1,3	4,6	10,9
Chỉ số chung	9,1	10,1	19,4	0,6	7,2	9,9

Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

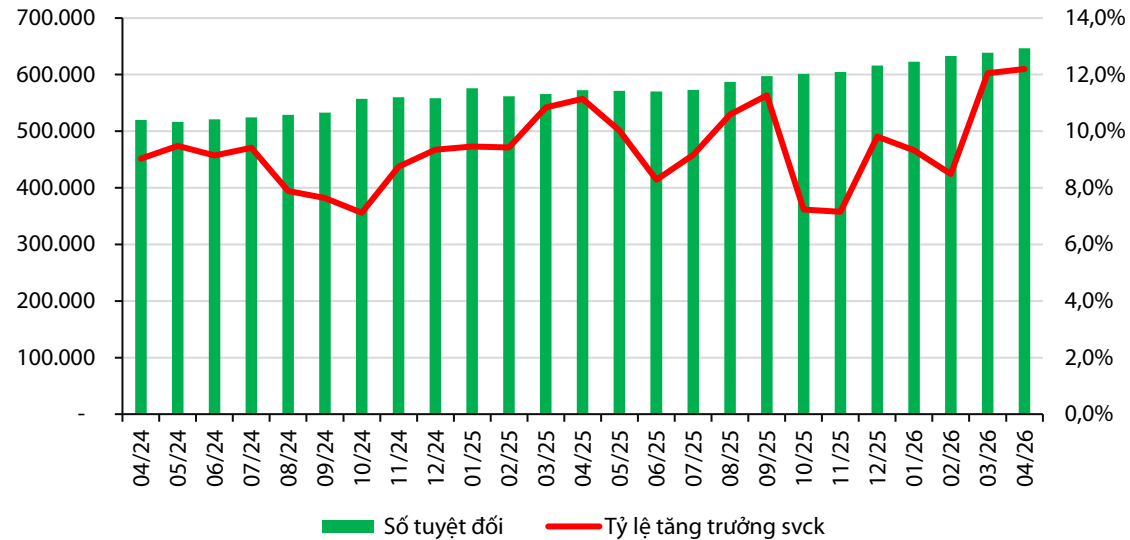
Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất của Việt Nam



Nguồn: S&P Global, CTCK Rồng Việt

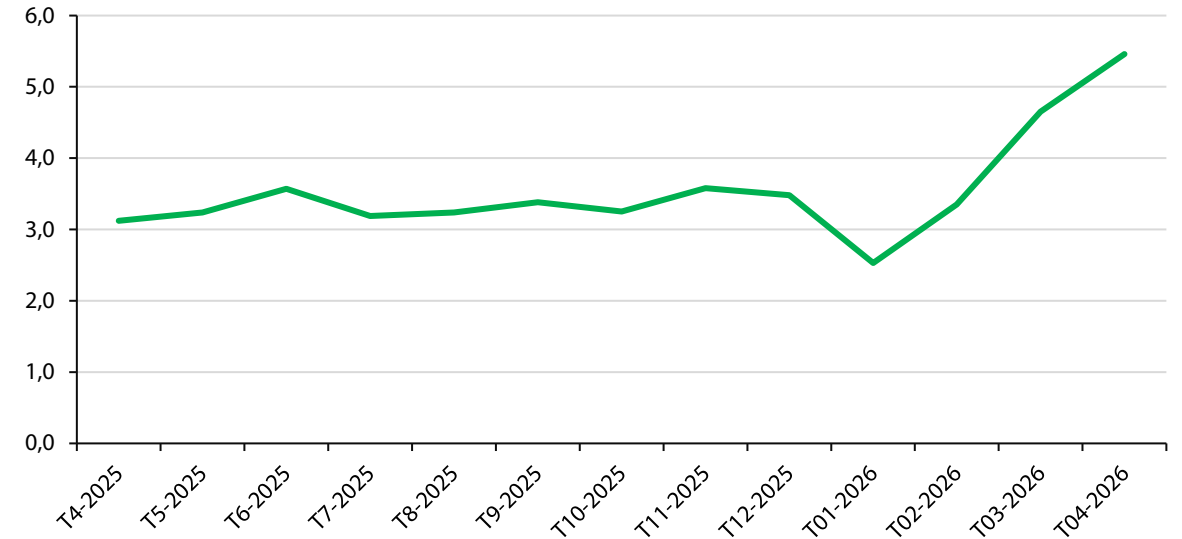
- Sản xuất Công nghiệp (IIP) : Tăng +9,9% trong T4 (cải thiện so với mức +7,2% của T3). Lũy kế 4T2026 đạt 9,2%, vượt mức cùng kỳ năm ngoái (4T2025: 8,4%) và tương đương mức tăng cả năm 2025. Khai khoáng: Tăng +7,6% trong T4 (T3: +2,1%), trong đó khai thác dầu thô và khí đốt tăng 14,6% - mức tăng mạnh nhất kể từ T11/2022, với sản lượng khai thác đạt mức cao nhất kể từ T3/2023. Lũy kế 4T2026, ngành Khai khoáng tăng 4,0%, trong đó sản lượng khai thác dầu thô và khí đốt tăng 14,4%. Công nghiệp chế biến-chế tạo (CBCT): Ghi nhận mức tăng ấn tượng +10,0% trong T4 (T3: 7,9%). Lũy kế 4T2026, ngành CN CBCT tăng 9,9%, thấp hơn tăng trưởng 10,1% cùng kỳ 2025 và 10,5% cả năm 2025. Trong tháng 4, 23/24 ngành ghi nhận tăng trưởng (trong đó 13 ngành tăng trên 10%).
- Chỉ số PMI: Tiếp tục giảm từ 51,2 trong tháng 3 xuống 50,5 trong T4, mức thấp nhất trong vòng 7 tháng. Đơn hàng mới lần đầu tiên sụt giảm trong 8 tháng, trong đó đơn hàng XK giảm tháng thứ 2 liên tiếp. Chi phí đầu vào tiếp tục tăng mạnh, với mức tăng trong tháng 4 là cao nhất trong 15 năm. Nhân tố giúp giữ chỉ số toàn phần duy trì ở vùng tăng trưởng trong tháng 4 là sản lượng vẫn duy trì đà tăng. Sản lượng đã tăng tháng thứ 12 liên tiếp, phản ánh việc thực hiện các dự án hiện có và khả năng duy trì của nhu cầu cơ bản. Tuy nhiên, tốc độ tăng là chậm nhất kể từ tháng 6/2025 trong bối cảnh áp lực lạm phát tăng, nguồn cung khan hiếm và thị trường bất ổn do cuộc chiến tranh ở Trung Đông.

Tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hoá và dịch vụ (svck)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

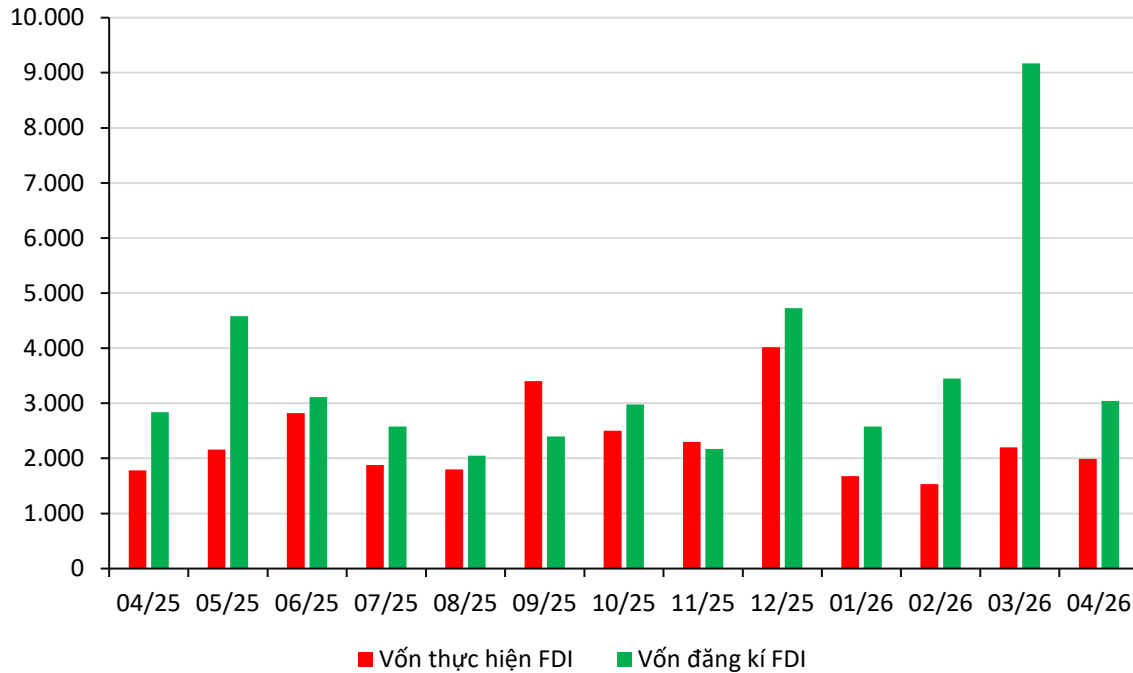
Tốc độ tăng giảm CPI so với cùng kỳ năm trước (%)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

- Tổng doanh thu bán lẻ T4.2026 duy trì tăng trưởng (+12,1% YoY), đưa lũy kế 4T2026 tăng 11,1%, trong đó cả bán lẻ hàng hóa (T4: +12,2%) và dịch vụ (T4: +11,7%) đều tăng tốc. Tuy nhiên, sự tăng tốc của bán lẻ trong T4 một phần do tăng giá, khi tăng trưởng loại trừ yếu tố giá đã giảm tốc xuống mức 6,3% trong 4T2026 (so với 7,0% của 3T2026). Bên cạnh đó, trong cơ cấu dịch vụ, đà tăng doanh thu du lịch lữ hành T4 giảm tốc xuống còn +6,5% YoY, ghi nhận mức tăng trưởng thấp nhất kể từ T7/2023.
- CPI tháng 4 tăng 0,84% MoM, giảm tốc so với mức 1,23% của T3, nhờ chỉ số giá giao thông hạ nhiệt giảm 0,81% MoM (giá xăng bán lẻ giảm 3,19% MoM). **Tuy nhiên, giá dầu diesel và giá các loại nhiên liệu khác như gas, dầu hỏa tiếp tục tăng mạnh đã bắt đầu tác động lên giá cả các nhóm hàng hóa và dịch vụ khác.** Cụ thể, nhóm Ăn uống ngoài gia đình (+1,94% MoM) và Nhà ở, điện nước, chất đốt & VLXD (+2,59% MoM), đóng góp hơn 90% vào mức tăng chung của CPI trong T4. Xét so với cùng kỳ, áp lực giá cả đang có dấu hiệu leo thang rõ rệt.
- Lạm phát toàn phần T4 tăng 5,46% YoY (T3: 4,65%).** Trong đó, chỉ số giá nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+5,2%); nhóm Nhà ở, điện nước, chất đốt & VLXD (+8,0%); nhóm Giao thông (+11,1%). Cùng với đó, **lạm phát cơ bản cũng nhích lên mức 4,66% YoY** (so với 3,96% của tháng 3).

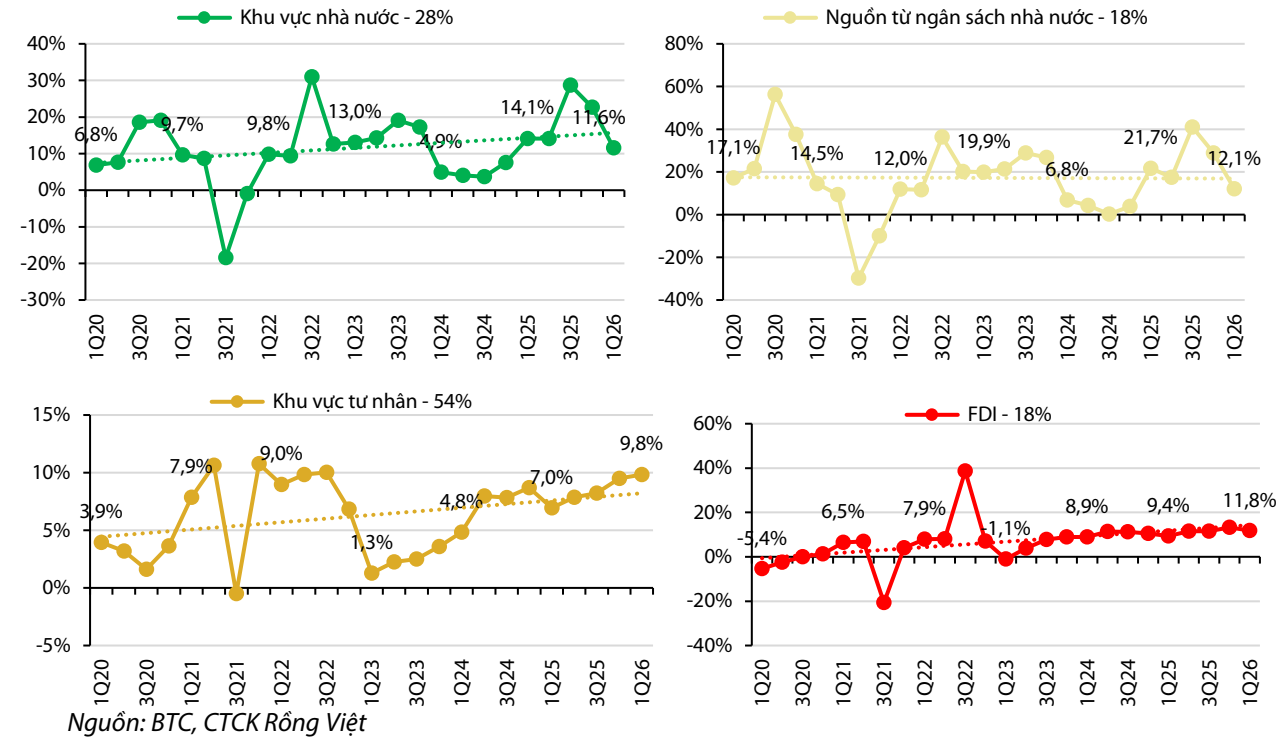
Vốn FDI thực hiện và đăng ký theo tháng (triệu USD)



Nguồn: BTC, CTCK Rông Việt

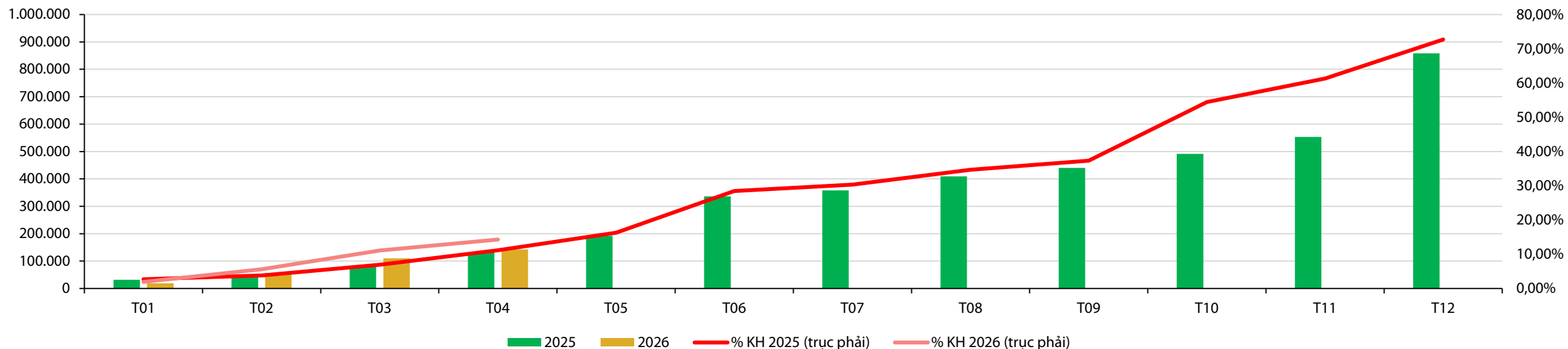
- FDI: Dòng vốn thực hiện T4 đạt 2 tỷ USD, tăng 11,8% YoY. Lũy kế 4T26 đạt 7,4 tỷ USD, tăng 9,8%. Vốn đăng ký tháng 4 đạt 3 tỷ USD, tăng 7,0% YoY, trong đó vốn cấp mới tăng mạnh 51,6%. Lũy kế 4M26 vốn đăng ký đạt 18,2 tỷ USD (+32,0%), trong đó vốn cấp mới đạt 12,1 tỷ USD (+117,2%).
- Trong 4 tháng đầu năm 2026, tổng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam đạt 18,24 tỷ USD, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2025. Vốn thực hiện ước đạt trên 7,4 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, đây là mức giải ngân cao nhất của 4 tháng đầu năm trong vòng 5 năm qua, cho thấy các dự án FDI không chỉ đăng ký mà còn được triển khai tương đối hiệu quả.
- Về cơ cấu dòng vốn FDI, Singapore dẫn đầu với 6,75 tỷ USD (chiếm 44,2% tổng vốn cấp mới + điều chỉnh), tiếp theo là Hàn Quốc 4,75 tỷ USD, chiếm 31,1% cho thấy mức tập trung rất cao. Đáng chú ý, dòng vốn từ Trung Quốc dù dẫn đầu về số dự án (410 dự án) nhưng giá trị chỉ đạt 0,86 tỷ USD, cho thấy xu hướng Trung Quốc tiếp tục chuyển dịch các cơ sở sản xuất thâm dụng lao động sang Việt Nam để tranh thủ ưu đãi thương mại, thay vì đầu tư công nghệ cao.

Tăng trưởng vốn đầu tư theo khu vực



Nguồn: BTC, CTCK Rông Việt

Quy mô giải ngân vốn đầu tư công 2026 theo tháng (triệu tỷ đồng)



Nguồn: BTC, CTCK Rông Việt

Giải ngân đầu tư công đến ngày 30/4/2026 là 144.282,9 tỷ đồng, **đạt 14,2% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao**. Một số vướng mắc, khó khăn ảnh hưởng tiêu cực đến công tác giải ngân đầu tư công:

- **Nguồn nguyên vật liệu:** Tình trạng khan hiếm một số nguyên vật liệu như đất đắp, cát, đá... diễn ra tại hầu hết địa phương, không đáp ứng kịp nhu cầu gia tăng nhanh trong giai đoạn đẩy mạnh đầu tư công. Giá xăng, dầu, chi phí vận chuyển tăng đột biến ảnh hưởng đến tổng mức đầu tư buộc phải thực hiện điều chỉnh dự án hoặc phải đàm phán lại hợp đồng làm phát sinh thêm thủ tục.
- **Công tác giải phóng mặt bằng:** Một số dự án gặp khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng liên quan đến xác định nguồn gốc đất, đơn giá,... Ngoài ra, một số nhà thầu tập trung thực hiện hồ sơ khối lượng thành để thu hồi tạm ứng nên chưa giải ngân.
- **Công tác xây dựng, phân bổ kế hoạch và triển khai các thủ tục đầu tư dự án:** Nhiều dự án vẫn chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư để đảm bảo điều kiện được giao vốn.
- **Thể chế:** Vướng mắc trong cơ chế chính sách liên quan đến các Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường....

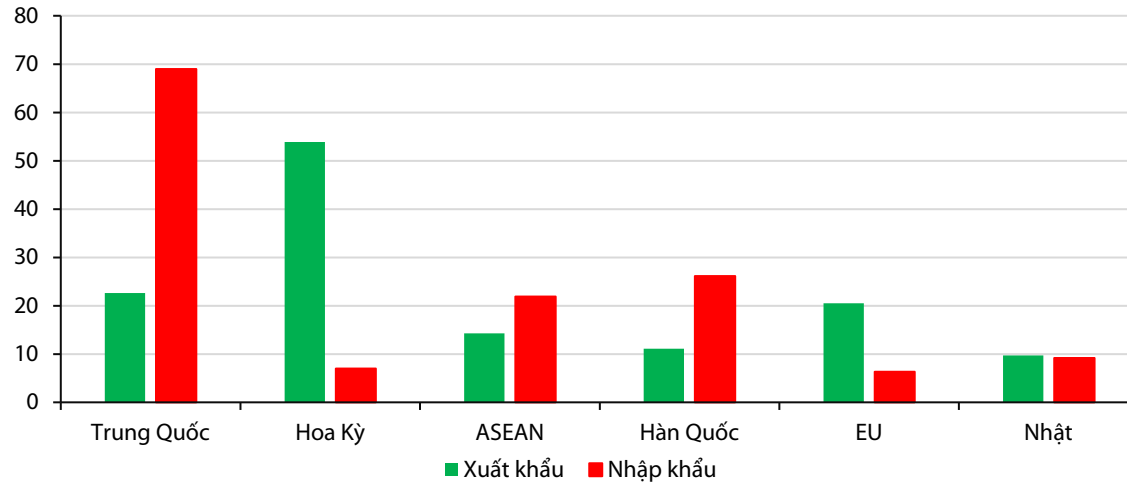
- Tính lũy kế 4 tháng đầu năm, tổng kim ngạch thương mại đạt 345,68 tỷ USD, tăng 24,66% so với cùng kỳ năm 2025, cho thấy xu hướng tăng trưởng vẫn được duy trì dù còn nhiều thách thức trong ngắn hạn.
- Xuất khẩu 4 tháng tăng 20,1% YoY. Dù có chiều hướng giảm trong tháng 4 nhưng lũy kế 4 tháng đầu năm, xuất khẩu vẫn duy trì mức tăng hai chữ số và đạt 169 tỷ USD. Đi vào chi tiết các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tiếp tục là mặt hàng có kim ngạch cao nhất và là động lực lớn nhất có tăng trưởng xuất khẩu cả nước. Trong 4 tháng đầu năm, nhóm này mang về 42,8 tỷ USD, tăng trưởng mạnh 46,1% so với cùng kỳ năm trước. Đứng ở vị trí thứ hai là điện thoại các loại và linh kiện với kim ngạch đạt 21,3 tỷ USD, tăng 19,6%; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng đứng thứ ba với 20,9 tỷ USD, tăng 22,4%.
- Trong 4 tháng đầu năm 2026, kim ngạch nhập khẩu tăng 29,5% so với cùng kỳ năm ngoái và đạt 176,7 tỷ USD.
- Cơ cấu nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong tháng 4 và cả 4 tháng vẫn cho thấy nhu cầu lớn về nguyên liệu đầu vào hay máy móc để phục vụ việc phục hồi sản xuất. Ngoài ra, việc tăng nhập khẩu nguyên phụ liệu hay máy móc còn là giải pháp để doanh nghiệp ổn định sản xuất trước bối cảnh địa chính trị thế giới nhiều biến động và luôn có nguy cơ làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Trong 4 tháng đầu năm, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tiếp tục dẫn đầu về kim ngạch XNK với con số lên tới 66,3 tỷ USD, tăng mạnh 54,8% so với cùng kỳ 2025. Việc nhập khẩu nhóm này cao hơn nhiều so với trị giá xuất khẩu cho thấy các doanh nghiệp đang tích cực chuẩn bị linh kiện cho các đơn hàng lớn trong tương lai.
- Nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng cao trong 4 tháng qua là nhiên liệu. Theo đó, giá trị nhập khẩu xăng dầu các loại đạt 4,3 tỷ USD, tăng 92,6% về kim ngạch, mặc dù lượng nhập khẩu chỉ tăng 28,7%; than các loại đạt 2,8 tỷ USD, tăng 10,6%. Tuy nhiên, dầu thô lại giảm cả kim ngạch nhập khẩu (giảm 16,4%) và giảm về lượng (giảm 23,2%).

Tổng quan tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam tháng 4/2026

	Tháng này (Tỷ \$)	% sv tháng trước	% sv cùng kỳ	Lũy kế từ đầu năm (Tỷ \$)	% svck
Tổng XNK	94,3	0,8%	27,0%	344,2	24,3%
Xuất khẩu	45,5	-2,0%	21,6%	168,5	20,0%
Nội địa	8,9	-1,4%	-24,8%	33,6	-18,4%
FDI	36,6	-2,1%	42,9%	134,9	36,1%
Nhập khẩu	48,8	3,6%	32,5%	175,6	28,7%
Nội địa	13,8	2,6%	-4,2%	49,2	-3,7%
FDI	35,0	4,0%	56,1%	126,4	48,1%
CCTM	-3,3			-7,1	

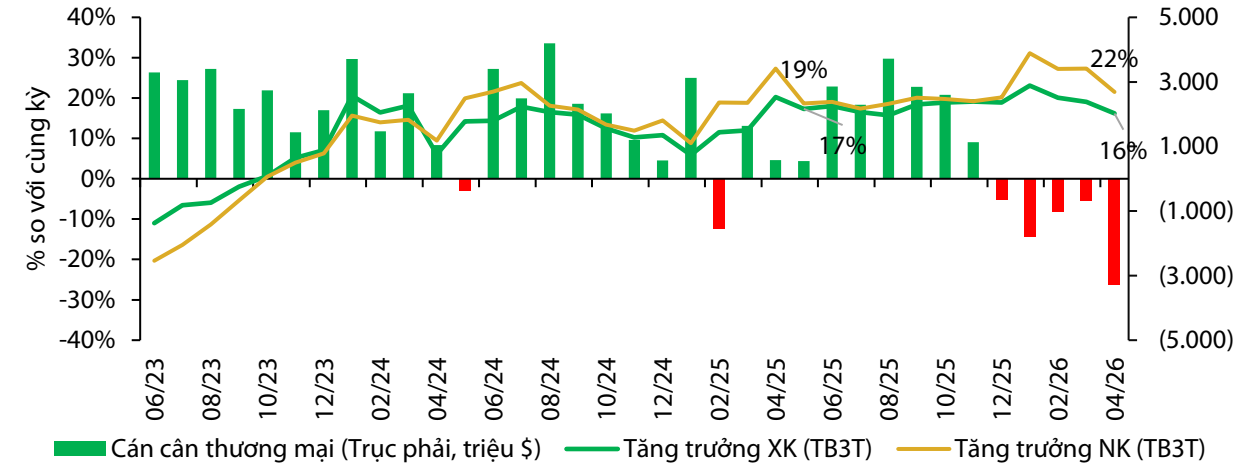
Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Thị trường xuất, nhập khẩu hàng hoá chủ yếu 4 tháng đầu năm 2026 (tỷ USD)



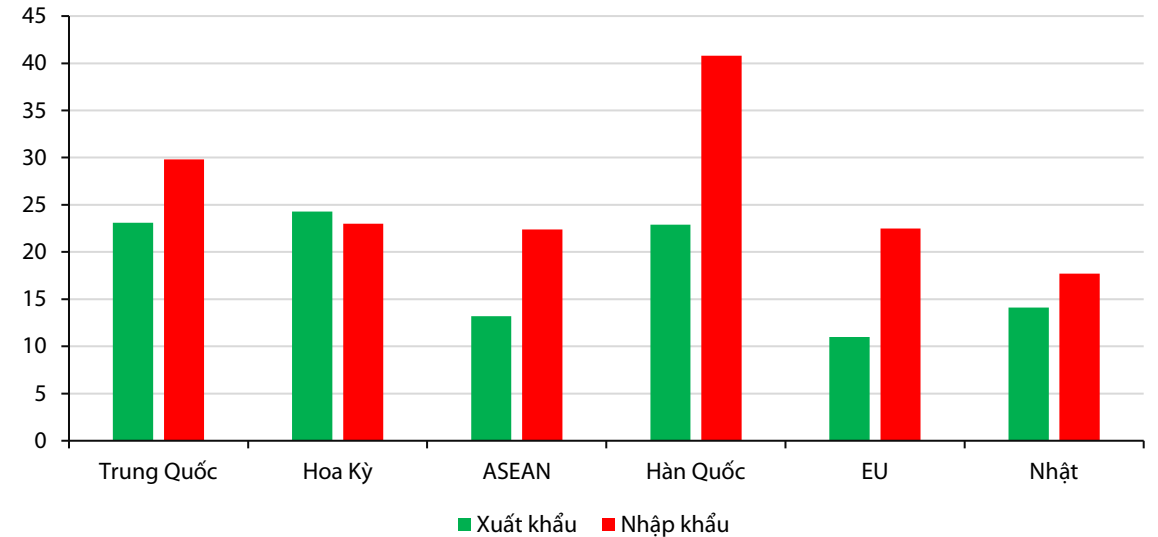
Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Xu hướng xuất nhập khẩu và cán cân thương mại theo tháng (23-26)



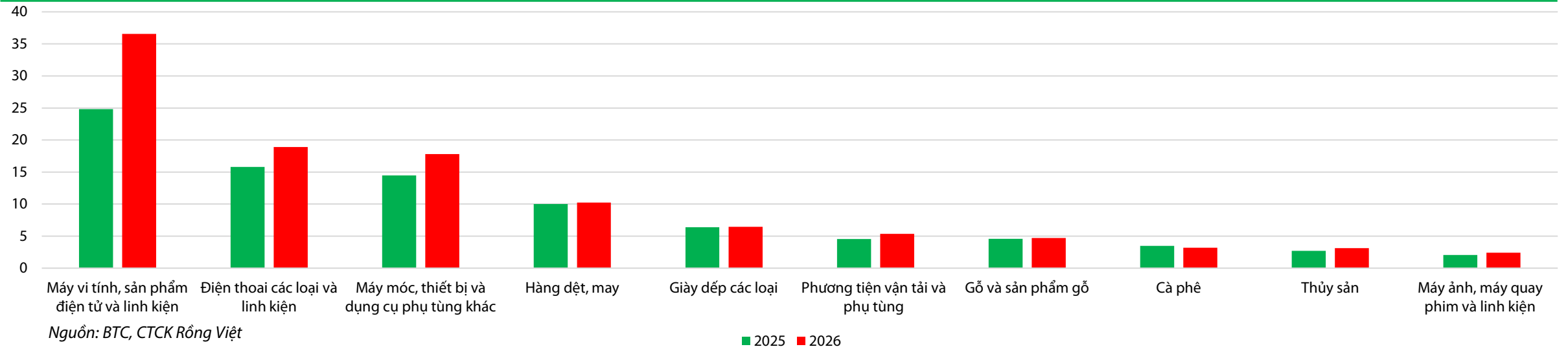
Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)

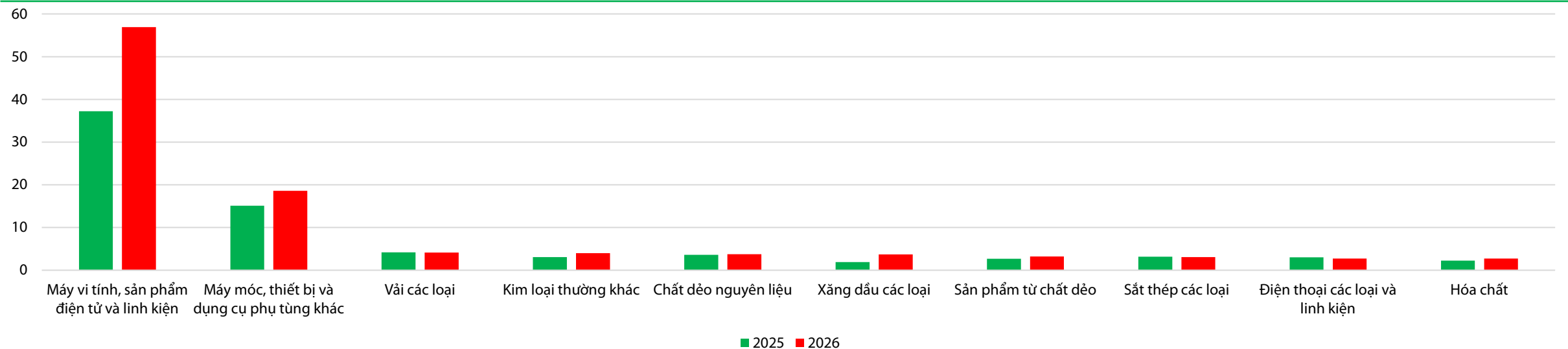


Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

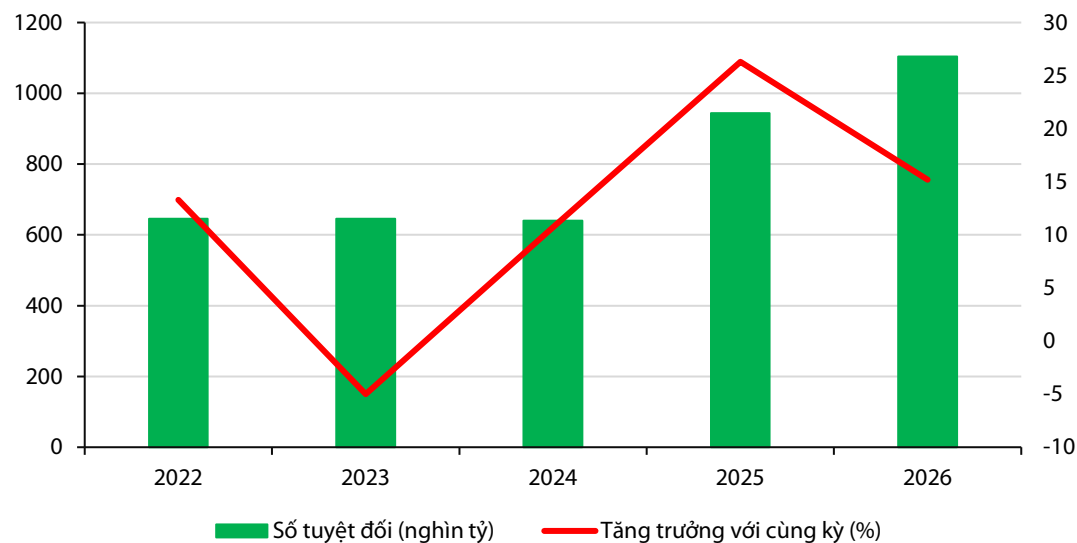
Kim ngạch xuất khẩu các nhóm hàng lớn qua 4 tháng đầu năm 2026 (Tỷ USD)



Kim ngạch nhập khẩu các nhóm hàng lớn qua 4 tháng đầu năm 2026 (Tỷ USD)

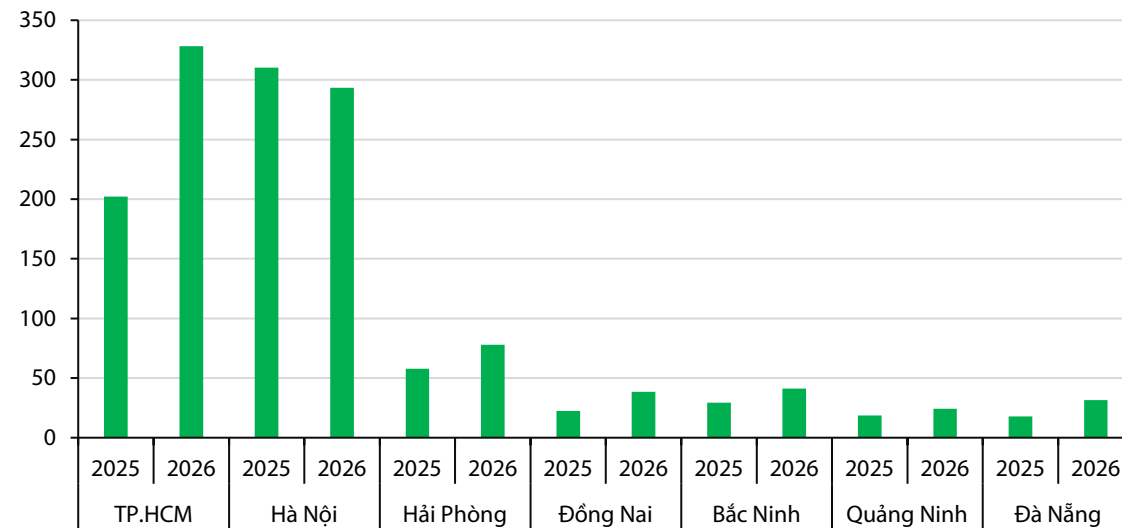


Tổng thu ngân sách Nhà nước 4 tháng đầu năm giai đoạn 2022-2026



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

Thu NSNN của một số Tỉnh/Thành trong 4 tháng đầu năm (Nghìn tỷ)



Nguồn: BTC, CTCK Rồng Việt

- Tháng 4/2026, thu ngân sách nhà nước ước đạt gần 257,2 nghìn tỷ đồng, tương đương 10,2% dự toán. Tính chung 4 tháng, tổng thu đạt 1.114 nghìn tỷ đồng, bằng 44% dự toán và tăng 15,2% so với cùng kỳ năm 2025. Tuy vậy, cả tiến độ lẫn tốc độ tăng đều có dấu hiệu chững lại so với cùng kỳ năm trước (4T2025: đạt 49,2% dự toán, tăng 29,4%).
- Sự chậm lại này chịu tác động từ xung đột tại Trung Đông, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời, các chính sách giảm thuế mới ban hành nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người dân cũng tác động trực tiếp đến số thu ngân sách. Việc giảm thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng dầu và nhiên liệu bay đã góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, nhưng đồng thời làm giảm nguồn thu ngân sách trong ngắn hạn. Ước tính, tổng số tiền miễn, giảm trong 4 tháng đầu năm khoảng 57,9 nghìn tỷ đồng.
- Trong cơ cấu thu, thu nội địa tiếp tục là trụ cột với 991 nghìn tỷ đồng, đạt 45% dự toán và tăng 17,4%. Động lực đáng kể đến từ ba khu vực kinh tế: khu vực doanh nghiệp nhà nước, FDI và ngoài quốc doanh với tổng số thu đạt 546,9 nghìn tỷ đồng, bằng 53,6% dự toán, tăng 31,2%. Một số sắc thuế ghi nhận kết quả tích cực, phản ánh sức bật của khu vực sản xuất - kinh doanh: thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 70,2% dự toán, tăng 31,4%; thuế giá trị gia tăng đạt 42,8% dự toán, tăng 34,7%.
- Ngoài ra, một số Tỉnh/Thành sau khi thực hiện sáp nhập địa giới hành chính có số thu tăng cao so với cùng kỳ như: TP.HCM (+18,8%), Hải Phòng (+35%), Đà Nẵng (+71,6%), Đồng Nai (+73%), Bắc Ninh (+40%).

- Năm 2026 - năm đầu của nhiệm kỳ, nhằm hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số, Quốc Hội khóa XVI tại kỳ họp đầu tiên đã ban hành nhiều Nghị quyết quan trọng như: Nghị quyết 29/2026/QH16 nhằm tháo gỡ vi phạm pháp luật về đất đai xảy ra trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực.
- Chính phủ cũng ban hành nhiều nghị định, nghị quyết nhằm kiến tạo khung thể chế cho phát triển như: Nghị quyết 24/2026/NQ-CP về cắt giảm thủ tục hành chính, phân cấp thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực Quốc phòng, Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Ngoại giao, Tư pháp và Ngân hàng Nhà nước.
- Chính phủ thành lập các Tổ công tác nhằm tham mưu, điều phối, giải quyết các vấn đề chiến lược quốc gia như tăng cường hợp tác, chủ động thích ứng với điều chỉnh chính sách kinh tế, thương mại của Hoa Kỳ.
- Chính Phủ đưa ra các mục tiêu và định hướng kinh tế vĩ mô - tài chính - ngân sách giai đoạn 2026-2030 quan trọng như Quy mô nền kinh tế hướng tới mức thu nhập trung bình cao, phần đầu GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 8.500 USD/năm; kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2031 với tổng vốn 8,22 triệu tỷ đồng.
- Về định hướng phát triển hạ tầng và năng lượng, Chính phủ xác định đến năm 2030: Có tối thiểu 5.000km đường bộ cao tốc; hoàn thành tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Đẩy nhanh tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, đường sắt đô thị tại Hà Nội và TP.HCM, và mở rộng các cảng hàng không lớn. Hình thành hệ thống kho dự trữ dầu thô quy mô lớn, duy trì nguồn cung ổn định ít nhất 90 ngày và triển khai giải pháp giảm tổn thất điện năng trên toàn hệ thống điện xuống dưới 6%.

Nghị quyết và Nghị định quan trọng		Hiệu lực
	Nghị định 141/2026/NĐ-CP: Nâng ngưỡng miễn thuế GTGT/TNCN (hộ kinh doanh) và miễn thuế TNDN lên 1 tỷ đồng/năm từ mức 500 triệu đồng/năm; kèm điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử khi doanh thu vượt ngưỡng 1 tỷ đồng/năm đối với các hộ kinh doanh	4/2026
	Nghị quyết 29/2026/QH16: Tháo gỡ vi phạm pháp luật về đất đai xảy ra trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực và khơi thông hơn 3.338 dự án tồn đọng, đi kèm với việc cắt giảm thủ tục hành chính, trong đó có những khâu xử lý hồ sơ chỉ giới hạn trong vòng 5 ngày làm việc	5/2026
	Chính phủ vừa ban hành 8 Nghị quyết về cắt giảm 184 thủ tục hành chính và 890 điều kiện kinh doanh giúp giảm hơn 50% thời gian thực hiện và chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp, thuộc quản lý của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Y tế, Bộ Công an và một Nghị quyết chung do Bộ Tư pháp chủ trì áp dụng cho Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và Ngân hàng Nhà nước.	4/2026
	Nghị quyết 24/2026/NQ-CP về cắt giảm thủ tục hành chính, phân cấp thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực Quốc phòng, Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Ngoại giao, Tư pháp và Ngân hàng Nhà nước, điển hình: <ul style="list-style-type: none"> • Tài chính - Ngân hàng: Thời gian phê duyệt cho nhà đầu tư ngoại mua cổ phần (từ 10% vốn hoặc cổ đông chiến lược) tại tổ chức tín dụng Việt Nam được rút ngắn chỉ còn 19 ngày làm việc • Chứng khoán & Quản lý quỹ: Tối ưu hóa toàn diện chi phí và thời gian tuân thủ pháp lý thông qua việc cắt giảm và miễn trừ các hồ sơ thủ tục nhờ 1) cơ quan quản lý tự khai thác thông tin từ các cơ sở dữ liệu quốc gia/chuyên ngành; 2) tái sử dụng các tài liệu mà doanh nghiệp đã báo cáo hoặc công bố thông tin trước đó. Việc này đẩy nhanh tiến độ cho các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp như: nới room ngoại trên 49%, tăng/giảm vốn điều lệ, sáp nhập và tổ chức lại các quỹ đầu tư • Logistics & Cảng biển: Các doanh nghiệp logistics được chủ động cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế (vận chuyển hàng hóa bằng nhiều loại phương tiện kết hợp như xe tải, tàu biển, máy bay...) mà không cần thực hiện thủ tục cấp/cấp lại giấy phép từ cơ quan quản lý như trước. 	4/2026



TÁC ĐỘNG KỲ VỌNG:



Giảm thời gian và chi phí tuân thủ



Khơi thông nguồn lực cho người dân và DN



Thúc đẩy đầu tư, sản xuất – kinh doanh



Tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch



Thành lập 4 Tổ công tác tham mưu, điều phối các nội dung trọng yếu



Phản ánh cách tiếp cận điều hành chủ động, phối hợp giữa các Bộ/Ngành và linh hoạt hơn trước các cú sốc bên ngoài.



1. Ứng phó chính sách kinh tế – thương mại Hoa Kỳ

Tổ trưởng: Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc



Hiệu lực
05/5/2026

- Theo dõi sát diễn biến, đặc biệt các điều chỉnh chính sách kinh tế, thương mại của Hoa Kỳ và tình hình thế giới, khu vực.
- Tham mưu, đề xuất biện pháp để thích ứng linh hoạt, vượt qua thách thức và tận dụng thời cơ.
- Tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển đất nước.



2. Phát triển công nghệ chiến lược

Tổ trưởng: Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng



Hiệu lực
29/4/2026

- Tham mưu và điều phối liên ngành, giúp Thủ tướng chỉ đạo, phối hợp các bộ, ngành và địa phương.
- Giải quyết các vấn đề quan trọng trong phát triển công nghệ chiến lược.
- Rà soát, hoàn thiện danh mục công nghệ, cơ chế, chính sách và kiến nghị tháo gỡ khó khăn về nguồn lực.



3. Quy hoạch và thể chế hành chính sau sáp nhập

Tổ trưởng: Bộ trưởng Bộ Tài chính Ngô Văn Tuấn



Hiệu lực
27/4/2026

- Tham mưu và điều phối, giúp Thủ tướng chỉ đạo, phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên ngành, về quy hoạch và thể chế hành chính sau sáp nhập
- Rà soát, tổng hợp vướng mắc thực tế, **đặc biệt trong điều chỉnh quy hoạch 2021–2030**, để tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền.



4. Bảo đảm an ninh năng lượng

Tổ trưởng: Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc






Hiệu lực
04/3/2026


- Chỉ đạo và điều phối liên ngành để tháo gỡ vướng mắc trong bảo đảm an ninh năng lượng.
- Chủ động đề xuất chính sách nhằm bảo đảm cung ứng đủ xăng dầu.
- Ứng phó linh hoạt trước diễn biến tại Trung Đông.


Mục tiêu


Chính phủ đang chuyển sang cơ chế điều hành chủ động và linh hoạt hơn trước các cú sốc địa chính trị, thương mại và năng lượng; qua đó hỗ trợ ổn định vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng.


◎ Lĩnh vực	☰ Chỉ đạo và định hướng trọng tâm
 <p>1 TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Kiên quyết không chấp nhận tăng trưởng thấp, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế “2 con số” (từ 10%/năm trở lên) ✓ Quy mô nền kinh tế hướng tới mức thu nhập trung bình cao, phấn đấu GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 8.500 USD/năm ✓ Phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, tăng cường xúc tiến thương mại; phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2026 tăng 13–15%
 <p>2 THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN)</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Năm 2026: Phấn đấu thu NSNN tăng 10% ✓ Giai đoạn 2026–2030: Tổng thu NSNN khoảng 16,4 triệu tỷ đồng, tỷ lệ huy động bình quân đạt 18% GDP
 <p>3 CHI NGÂN SÁCH VÀ TIẾT KIỆM</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tổng chi NSNN giai đoạn 2026–2030 dự kiến khoảng 21,2 triệu tỷ đồng ✓ Tỷ trọng chi thường xuyên bình quân khoảng 51–52% tổng chi NSNN ✓ Tăng chi đầu tư phát triển lên 40% tổng chi NSNN ✓ Năm 2026, thực hiện tiết kiệm trên 10% và phấn đấu tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên

ĐỊNH HƯỚNG CHUNG




 Kiên quyết hướng tới mục tiêu tăng trưởng “2 con số”






 Tăng thu – kiểm soát chi – đảm bảo an toàn tài khóa bền vững

 Kích cầu nội địa – phát triển thị trường trong nước – thúc đẩy tăng trưởng

 Điều hành chủ động, linh hoạt, nâng cao năng lực chống chịu và ứng phó rủi ro



🕒 **Lĩnh vực** ☰ **Chỉ đạo và định hướng trọng tâm**

 <p>1 TỶ TRỌNG ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tỷ trọng vốn đầu tư công so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm khoảng 20–22% ✓ Mục tiêu tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân đạt 40% GDP
 <p>2 ĐẦU TƯ CÔNG</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026–2031 với tổng vốn 8,22 triệu tỷ đồng; vốn ngân sách trung ương là 3,8 triệu tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 4,42 triệu tỷ đồng ✓ Giảm tối thiểu 30% số lượng dự án so với giai đoạn 2021–2025 để tránh dàn trải. Phần đầu tỷ lệ giải ngân đạt trên 100% kế hoạch ✓ Trong kế hoạch 2026–2030, một mục tiêu quan trọng về đầu tư công là phải tăng cường hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và phần đầu tiếp tục “giảm hệ số sử dụng vốn (ICOR)” so với mức hiện tại (ICOR của giai đoạn 2021–2025 ở mức 6,4)
 <p>3 AN TOÀN TÀI KHÓA</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tổng mức vay của Chính phủ khoảng 6,497 triệu tỷ đồng; mức vay của chính quyền địa phương khoảng 622 nghìn tỷ đồng ✓ Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ không quá 25% và trả nợ lãi trực tiếp không quá 10% tổng thu NSNN ✓ Trữ nợ nước ngoài của quốc gia hàng năm không quá 50% GDP (ngưỡng cảnh báo là 45%) ✓ Trữ nợ công hàng năm không quá 60% GDP (ngưỡng cảnh báo 50%); trữ nợ Chính phủ không quá 50% GDP

 <p>ĐỊNH HƯỚNG CHUNG</p>	 <p>Tăng cường đầu tư công hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm</p>	 <p>Giữ vững kỷ luật tài khóa, kiểm soát nợ công, nợ chính phủ và nợ nước ngoài</p>	 <p>Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giảm ICOR, thúc đẩy tăng trưởng bền vững</p>	 <p>Bảo đảm an toàn tài khóa, nền tảng cho ổn định vĩ mô và phát triển dài hạn</p>
--	---	---	---	--

🎯 Lĩnh vực	☰ Chỉ đạo và định hướng trọng tâm
 <p>Công nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Nâng cao năng lực cạnh tranh các ngành công nghiệp nền tảng, triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển ngành công nghiệp bán dẫn và đẩy nhanh các dự án quy mô lớn
 <p>Nông nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Đổi mới căn bản chính sách hạn mức đất lúa, tăng hiệu quả sử dụng và bảo đảm an ninh lương thực ✓ Quyết liệt thực hiện các giải pháp gỡ cảnh báo “thẻ vàng” IUU về khai thác hải sản
 <p>Dịch vụ và du lịch</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Thí điểm miễn thị thực dài hạn, cấp thị thực nhập cảnh nhiều lần (hoàn thành quý II/2026) ✓ Mục tiêu năm 2026 đón 25 triệu lượt khách quốc tế
 <p>Thành phần kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Hoàn thành đề án xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập trong quý III/2026 ✓ Sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (hoàn thành phương án trong tháng 5/2026), thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân và thu hút FDI có chọn lọc, gắn với chuyển giao công nghệ
 <p>Mô hình kinh tế mới</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Vận hành thí điểm sàn giao dịch dữ liệu, tài sản mã hóa, tài sản kỹ thuật số (từ quý II/2026); phát triển thị trường tín chỉ carbon, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

 <p>ĐỊNH HƯỚNG CHUNG</p>	 <p>Nâng cao năng lực cạnh tranh và tự chủ chiến lược của nền kinh tế</p>	 <p>Thúc đẩy các ngành trọng điểm và dự án quy mô lớn</p>	 <p>Tạo động lực tăng trưởng bền vững gắn với đổi mới sáng tạo và công nghệ</p>	 <p>Hội nhập sâu rộng, chủ động và có chọn lọc</p>	 <p>Phát triển xanh, tuần hoàn, hiện đại và bao trùm</p>
--	--	--	--	---	---

© Lĩnh vực	Chỉ đạo và định hướng trọng tâm
 <p>Hạ tầng giao thông</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Đến năm 2030: Có tối thiểu 5.000km đường bộ cao tốc; hoàn thành tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng • Đẩy nhanh tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, đường sắt đô thị tại Hà Nội và TP.HCM, và mở rộng các cảng hàng không lớn • Bảo đảm tiến độ xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình; mở rộng các Cảng hàng không lớn như Phú Quốc, Chu Lai, Cà Mau • Tập trung triển khai các dự án hạ tầng phục vụ APEC 2027
 <p>Năng lượng</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Hình thành hệ thống kho dự trữ dầu thô quy mô lớn, duy trì nguồn cung ổn định ít nhất 90 ngày • Triển khai giải pháp giảm tổn thất điện năng trên toàn hệ thống điện xuống dưới 6% • Triển khai hiệu quả Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, phát triển điện gió ngoài khơi, khí LNG, bảo đảm đủ điện • Trong Quý II/2026: Hoàn thành xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội để thu hút đầu tư các dự án năng lượng trọng điểm, điện gió ngoài khơi, khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) • Quý III/2026: Hoàn thành xây dựng Chiến lược dự trữ năng lượng quốc gia và Đề án phát triển hạ tầng công nghiệp ứng dụng năng lượng nguyên tử. • Dự kiến khởi công các dự án điện khí LNG quy mô lớn trong năm 2026: Quảng Trạch II (1.500 MW), Nghi Sơn (1.500 MW), Quỳnh Lập (1.500 MW) và đưa vào vận hành Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I (1.403 MW)

ĐỊNH HƯỚNG CHUNG



Đẩy mạnh kết nối hạ tầng chiến lược







Tăng tốc các dự án giao thông và hàng không




Bảo đảm an ninh năng lượng và đủ điện





Tạo nền tảng tăng trưởng dài hạn


📍 Lĩnh vực	☰ Chỉ đạo và định hướng trọng tâm
 1 CẢI CÁCH THỂ CHẾ VÀ PHÁP LUẬT	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Chuyển mạnh tư duy từ "quản lý" sang "kiến tạo phát triển", phóng rả soát hệ thống pháp luật ✓ Hoàn thiện pháp luật để xử lý triệt để tài sản công là nhà, đất dôi dư trong quý II/2026 ✓ Sửa đổi Luật Đất đai trong năm 2026
 2 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Cắt giảm 50% thời gian, 50% chi phí tuân thủ TTHC; giảm tối thiểu 30% ngành nghề kinh doanh có điều kiện và 100% điều kiện kinh doanh không cần thiết
 3 KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Bố trí tối thiểu 3% tổng chi NSNN hằng năm cho phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số ✓ Xây dựng cơ sở nghiên cứu công nghệ lõi; đào tạo nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI)
 4 CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ HẠ TẦNG DỮ LIỆU	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Phủ sóng 5G toàn quốc, đưa vào khai thác cáp quang biển, xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông từ địa phương đến quốc gia ✓ Phấn đấu lọt nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN về Chính phủ điện tử trong năm 2026

MỤC TIÊU CHUNG

 Hoàn thiện thể chế đồng bộ, hiện đại, tạo môi trường pháp lý minh bạch, ổn định

 Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp

 Thúc đẩy KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực tăng trưởng mới

 Xây dựng quốc gia số, kinh tế số, xã hội số hiện đại và bền vững



Bốn địa phương **Quảng Ninh, Bắc Ninh, Ninh Bình** và **Khánh Hòa** đang được định hướng trở thành **thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030**. Mỗi địa phương có lợi thế riêng về quy mô kinh tế, năng lực công nghiệp, du lịch, hạ tầng kết nối và vị trí chiến lược, qua đó có thể đóng vai trò động lực tăng trưởng mới cho từng vùng kinh tế.

Việc nâng cấp từ tỉnh lên thành phố trực thuộc Trung ương không chỉ tạo thêm dư địa phát triển cho địa phương, mà còn có **ý nghĩa lan tỏa đối với cả vùng và quốc gia**. Khi có vị thế hành chính cao hơn, các địa phương có thể thuận lợi hơn trong việc tiếp cận cơ chế đặc thù, phân cấp nguồn lực và triển khai các dự án hạ tầng – đô thị quy mô lớn.

Trường hợp Đồng Nai là một ví dụ đáng chú ý. Khi được nâng lên thành phố trực thuộc Trung ương, Đồng Nai có thể được trao các cơ chế phát triển tương tự TP.HCM, qua đó thuận lợi hơn trong triển khai các mô hình mới như đô thị sân bay, khu thương mại tự do, đô thị TOD và hệ thống hạ tầng giao thông liên vùng. Đây là những dự án có quy mô lớn, yêu cầu cơ chế linh hoạt và khả năng điều phối vượt ngoài khuôn khổ phát triển cấp tỉnh thông thường.



- Quảng Ninh có cơ cấu kinh tế tương đối cân bằng, trong đó **dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm khoảng 49,19%**, còn **công nghiệp – xây dựng chiếm 46,18%**. Đây là nền tảng quan trọng giúp địa phương không phụ thuộc vào một động lực tăng trưởng đơn lẻ, mà phát triển theo mô hình đa trụ cột.
- Một lợi thế nổi bật khác của Quảng Ninh là hệ thống hạ tầng đồng bộ thuộc nhóm dẫn đầu cả nước, bao gồm **mạng lưới cao tốc liên vùng, sân bay quốc tế Vân Đồn** và **hệ thống cảng biển hiện đại**. Hạ tầng này giúp tỉnh tăng khả năng kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế, đồng thời hỗ trợ đồng thời cho công nghiệp, logistics, du lịch và dịch vụ.
- Điểm khác biệt của Quảng Ninh không chỉ nằm ở quy mô kinh tế, mà còn ở mô hình phát triển. Tỉnh đang định hình theo hướng **đô thị xanh, thông minh**, tích hợp các lợi thế **biển – đảo – biên giới – di sản**. Đây là nền tảng giúp Quảng Ninh không chỉ đáp ứng điều kiện nâng cấp đô thị, mà còn có tiềm năng trở thành một **cực tăng trưởng độc lập của khu vực Đông Bắc**.

Nguồn: CTCK Rồng Việt tổng hợp

2 BẮC NINH



DIỆN TÍCH
4.713 KM²



DÂN SỐ
4 TRIỆU NGƯỜI



Đơn vị hành chính **66 xã, 33 phường**



Càng cận **3**



Sân bay **Gia Bình**
(đang xây dựng)



MỤC TIÊU 2030



Tăng trưởng GRDP/ năm **11 - 12 %**



GRDP đầu người **8.700 - 9.200 USD**



Đô thị hoá **65 %**



Lao động qua đào tạo **90 %**



Y tế/ 10.000 dân **40 giường bệnh
19 bác sĩ**



Tuổi thọ trung bình **75,5**



Không còn hộ nghèo **✓**



DỮ LIỆU 2025



Tăng trưởng GRDP **10,27 %**



Quy mô GDP **522.618 tỷ đồng**
(20,8 tỷ USD)



Thu ngân sách **72.500 tỷ đồng**



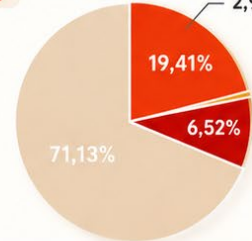
GRDP đầu người **5.852 USD**



Vốn FDI **5,5 tỷ USD**



Cơ cấu kinh tế



- Nông - lâm nghiệp, thủy sản
- Công nghiệp và xây dựng
- Dịch vụ
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm

- Bắc Ninh là địa phương có **quy mô GRDP lớn nhất** trong nhóm 4 địa phương được định hướng lên thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030. Lợi thế cốt lõi của tỉnh nằm ở **nền tảng công nghiệp mạnh**, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất điện tử, với sự hiện diện của nhiều tập đoàn đa quốc gia. Dù diện tích không lớn, Bắc Ninh vẫn duy trì vị thế là một trong những trung tâm công nghiệp – xuất khẩu hàng đầu cả nước.
- Một điểm đáng chú ý là Bắc Ninh đang hình thành thêm động lực hạ tầng mới với **sân bay Gia Bình**, dự án được định hướng trở thành **cảng hàng không quốc tế quy mô lớn** trong tương lai. Nếu được triển khai đúng tiến độ, dự án này sẽ mở rộng đáng kể năng lực kết nối của địa phương, hỗ trợ logistics, thương mại và thu hút đầu tư.
- Bên cạnh đó, **GRDP bình quân đầu người của Bắc Ninh luôn thuộc nhóm dẫn đầu cả nước**, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho quá trình đô thị hóa. Với quy mô kinh tế lớn, nền công nghiệp hiện đại và dư địa hạ tầng mới, Bắc Ninh có nhiều điều kiện để trở thành một **cực tăng trưởng công nghiệp – đô thị quan trọng của vùng kinh tế phía Bắc**.

Nguồn: CTCK Rồng Việt tổng hợp



- Ninh Bình đang nổi lên như một **cực tăng trưởng mới ở phía Nam Đồng bằng sông Hồng**, nhờ kết hợp ba lợi thế: **du lịch di sản, nền tảng công nghiệp** và **vị trí kết nối liên vùng**. Đây là những yếu tố giúp địa phương có dư địa mở rộng vai trò trong cấu trúc phát triển vùng.
- Cơ cấu kinh tế của Ninh Bình khá đa dạng, với **công nghiệp – xây dựng chiếm khoảng 47,05%** và **dịch vụ chiếm khoảng 34,39%**. Đến năm 2030, địa phương đặt mục tiêu **đô thị hóa trên 60%, GRDP tăng khoảng 11%/năm** và **tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống dưới 1%**, cho thấy định hướng phát triển không chỉ tập trung vào quy mô kinh tế mà còn bao gồm chất lượng sống và tính bao trùm.
- Điểm khác biệt của Ninh Bình nằm ở định vị **“đô thị di sản thiên nhiên kỷ”**. Chiến lược phát triển của địa phương không chỉ là tăng trưởng kinh tế, mà còn hướng tới nâng cao chất lượng đô thị, hoàn thiện hạ tầng kết nối vùng và phát triển đô thị thông minh. Sự kết hợp giữa **di sản – du lịch – công nghiệp – đô thị hiện đại** tạo cho Ninh Bình một hướng đi riêng trong hệ thống đô thị quốc gia.

Nguồn: CTCK Rồng Việt tổng hợp

04 KHÁNH HOÀ

Khát vọng vươn tầm – Trung tâm biển đảo quốc gia



DIỆN TÍCH
8.555 KM²



DÂN SỐ
2,24 TRIỆU



Đơn vị hành chính

48 xã, 16 phường, 1 đặc khu



Đường bờ biển

500 km



Cảng biển

21



Sân bay

Cam Ranh



MỤC TIÊU 2030



Tăng trưởng GRDP/ năm

11 - 12 %



GRDP đầu người

212 triệu đồng



Đô thị hoá

70 %



Lao động qua đào tạo

90 %



Y tế/ 10.000 dân

**40 giường bệnh
14 bác sĩ**



Tuổi thọ trung bình

75,5



Hộ nghèo

giảm 1 - 1,5%/ năm



DỮ LIỆU 2025



Tăng trưởng GRDP

7,11 %



Quy mô GDP

209.341 tỷ đồng
(8,34 tỷ USD)



Thu ngân sách

36.900 tỷ đồng



GRDP đầu người

110,26 triệu đồng
(4.391 USD)

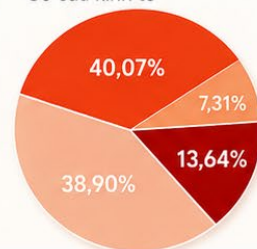


Vốn FDI

82,7 triệu USD



Cơ cấu kinh tế



- Nông - lâm nghiệp, thủy sản
- Công nghiệp và xây dựng
- Dịch vụ
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm

- Khánh Hòa được định vị trở thành **trung tâm kinh tế biển, logistics và du lịch quốc tế** của khu vực Nam Trung Bộ. Cơ cấu kinh tế của tỉnh nghiêng về dịch vụ, với tỷ trọng khoảng **40,07%**, trong khi **công nghiệp – xây dựng chiếm khoảng 38,99%**. Đến năm 2030, Khánh Hòa đặt mục tiêu **GRDP tăng 11-12%/năm, tỷ lệ đô thị hóa đạt 70%** và **GRDP bình quân đầu người khoảng 212 triệu đồng**.
- Điểm khác biệt của Khánh Hòa nằm ở mô hình phát triển **đa trụ cột**. Một mặt, tỉnh có **Nha Trang** – trung tâm du lịch biển quốc tế đã có thương hiệu. Mặt khác, Khánh Hòa sở hữu hệ sinh thái **công nghiệp – logistics – cảng biển** tại **Vân Phong**, một khu kinh tế ven biển có vị trí chiến lược trong mạng lưới trung chuyển khu vực..
- Sự kết hợp giữa **du lịch quốc tế, kinh tế biển, cảng biển và logistics** tạo nền tảng để Khánh Hòa không chỉ phát triển như một đô thị du lịch, mà còn trở thành một **cực tăng trưởng kinh tế biển quan trọng của Nam Trung Bộ**.

Nguồn: CTCK Rồng Việt tổng hợp



1. RA ĐI VÌ HẠN NGẠCH KHAI THÁC DẦU?

Câu trả lời mà nhiều người đưa ra nhất là **UAE rời đi để có thể khai thác dầu được nhiều hơn, không bị giới hạn về hạn ngạch**. Các con số cho thấy câu trả lời này chưa hợp lý.

- Theo báo cáo của OPEC thị trong tháng 03/2026 sản lượng của UAE là 1,89 triệu thùng/ngày trong khi hạn ngạch là 3,457 triệu thùng/ngày. Tức là UAE đang khai thác dưới hạn ngạch của họ. Hay nói cách khác, UAE không bị hạn chế bởi hạn ngạch OPEC+, mà bị hạn chế bởi năng lực xuất khẩu của họ.
- Kể từ khi chiến tranh Iran xảy ra, Hormuz gián đoạn, UAE xuất khẩu qua đường ống Habshan – Fujairah, công suất tối đa 1,8 triệu thùng/ngày.
- UAE chỉ có thể nâng sản lượng khi mà khả năng xuất khẩu của họ tăng lên, việc phụ thuộc vào việc vận tải eo biển Hormuz phục hồi. Cho đến thời điểm hiện tại, các ý kiến nhận định đều cho thấy sẽ còn rất lâu vận tải dầu qua Hormuz mới có thể quay trở lại mức bình thường. Và tới khi đó, các khoản cắt giảm của OPEC+ có thể đã hết hạn.
- Vì vậy khi nói UAE ra khỏi OPEC+ để có thể khai thác dầu nhiều hơn, nhằm chiếm lĩnh thị trường thì chưa hợp lý.



2. RA ĐI KHI "THIÊN THỜI, ĐỊA LỢI, NHÂN HÒA"?

- UAE đủ kinh nghiệm để biết rằng việc họ rời OPEC (trong điều kiện bình thường) sẽ ảnh hưởng tới thị trường dầu như thế nào.
- Vì vậy, trong bối cảnh mà hoạt động khai thác và xuất khẩu dầu của cả khu vực bị ảnh hưởng bởi một yếu tố bên ngoài, đây là thời điểm tốt nhất để UAE có thể rời OPEC.
- Các nhân định được công bố đều cho thấy ý kiến đồng thuận rằng, UAE rời OPEC sẽ không tạo bất kỳ tác động đáng kể nào, theo bất kỳ hướng nào tới thị trường dầu.
- Vì vậy, **khi UAE rời OPEC vào thời điểm này, họ không thể nâng sản lượng khai thác, nhưng họ có thể đạt được sự độc lập về chính sách mà không tác động xấu tới thị trường.**



3. NHỮNG CÂU CHUYỆN KHÁC VỀ TIỀN TỆ

- Chỉ vài ngày trước khi rời OPEC, UAE đã gửi thông điệp tới Mỹ, **đề nghị cung cấp swap line USD** cho nước này, vì nước này đã **cạn nguồn USD**, nếu không, họ sẽ buộc phải dùng NDT.
- Trước tiên, phải nói rằng, việc UAE hết USD là một việc khó tin. Họ có một kho dự trữ ngoại hối lớn (hơn 300 tỷ USD), và nắm giữ một lượng USD đáng kể. Vì vậy, họ có dư bộ đệm USD, và nếu cần thì còn có thể đi vay.
- Động thái này chỉ là một hành động để đánh giá mối quan hệ đồng minh với Mỹ. Liệu Mỹ có sẵn sàng cung cấp swap line cho một đồng minh bên ngoài G10 hay không? Câu trả lời sẽ quyết định động thái của UAE.
- Trước cuộc chiến, OPEC (và mở rộng là OPEC+) là swing player, tức người sản xuất có khả năng định hướng thị trường dầu. Nhưng khi chiến tranh Iran nổ ra, vị thế này đã rơi vào tay Mỹ.
- UAE rời OPEC, đồng nghĩa với việc khiến năng lực kiểm soát thị trường của nhóm này bị suy yếu, và **đồng nghĩa với việc UAE sẽ nghiêng về phía Mỹ (trong cân cân của thị trường dầu thô nói riêng)**. Vì vậy UAE sẽ cần kiểm tra thái độ của Mỹ với mình thế nào.

Tựu trung, chúng tôi cho rằng UAE rời OPEC không chỉ câu chuyện hạn ngạch khai thác, mà là **nước đi chiến lược** nhằm tăng vị thế của quốc gia này trong bối cảnh **địa chính trị – năng lượng – tài chính toàn cầu nhiều biến động**.

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Rong Viet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Rong Viet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của Rong Viet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc Rong Viet Securities, 2026.**



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT



Tầng 1 đến Tầng 8, Toà nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh



www.vdsc.com.vn



RONGVIET SECURITIES CORPORATION (VDSC)

**DỊCH VỤ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025**
GIẢI THƯỞNG GLOBAL BANKING & FINANCE